

PHỤ LỤC
PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC UBND XÃ, PHƯỜNG,
ĐẶC KHU CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 29/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước phân bổ năm 2026				Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó			
			Sự nghiệp khác	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp y tế (bao gồm 399 biên chế cấp tỉnh chuyển về cấp xã)	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG CỘNG	27.562	605	24.801	2.156	
1	Phường Cẩm Thành	609	9	571	29	
2	Phường Nghĩa Lộ	607	10	567	30	
3	Phường Trương Quang Trọng	428	8	389	31	
4	Xã Tịnh Khê	409	6	375	28	
5	Xã An Phú	507	5	467	35	
6	Xã Bình Sơn	879	10	818	51	
7	Xã Đông Sơn	494	6	447	41	
8	Xã Vạn Tường	580	5	535	40	
9	Xã Bình Minh	229	4	200	25	
10	Xã Bình Chương	161	5	140	16	
11	Xã Sơn Tịnh	356	6	323	27	
12	Xã Trường Giang	229	4	203	22	
13	Xã Ba Gia	265	5	239	21	
14	Xã Thọ Phong	247	5	222	20	

TT	Đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước phân bổ năm 2026				Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó			
			Sự nghiệp khác	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp y tế (bao gồm 399 biên chế cấp tỉnh chuyển về cấp xã)	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)
15	Xã Tư Nghĩa	545	9	498	38	
16	Xã Trà Giang	243	6	214	23	
17	Xã Nghĩa Giang	323	6	287	30	
18	Xã Vệ Giang	379	7	344	28	
19	Xã Mộ Đức	349	8	312	29	
20	Xã Long Phụng	424	4	387	33	
21	Xã Mỏ Cày	390	6	357	27	
22	Xã Lân Phong	310	7	281	22	
23	Phường Đức Phổ	442	5	397	40	
24	Phường Sa Huỳnh	309	4	289	16	
25	Phường Trà Câu	439	5	401	33	
26	Xã Khánh Cường	195	4	171	20	
27	Xã Nguyễn Nghiêm	167	4	145	18	
28	Xã Nghĩa Hành	308	5	280	23	
29	Xã Thiện Tín	221	4	194	23	
30	Xã Đình Cương	271	4	242	25	
31	Xã Phước Giang	234	4	207	23	
32	Xã Ba Tơ	262	11	230	21	
33	Xã Ba Vinh	111	4	92	15	
34	Xã Ba Vì	177	4	155	18	

TT	Đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước phân bổ năm 2026				Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó			
			Sự nghiệp khác	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp y tế (bao gồm 399 biên chế cấp tỉnh chuyển về cấp xã)	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)
35	Xã Ba Tô	166	4	144	18	
36	Xã Ba Đình	125	4	108	13	
37	Xã Đặng Thùy Trâm	106	4	87	15	
38	Xã Ba Động	145	4	123	18	
39	Xã Ba Xa	94	4	80	10	
40	Xã Minh Long	250	12	212	26	
41	Xã Sơn Mai	184	11	153	20	
42	Xã Sơn Hà	352	4	328	20	
43	Xã Sơn Linh	251	4	226	21	
44	Xã Sơn Hạ	338	4	308	26	
45	Xã Sơn Kỳ	138	5	118	15	
46	Xã Sơn Thủy	174	5	149	20	
47	Xã Sơn Tây Thượng	186	7	159	20	
48	Xã Sơn Tây Hạ	152	4	129	19	
49	Xã Sơn Tây	252	6	226	20	
50	Xã Trà Bồng	375	8	344	23	
51	Xã Cà Đam	134	7	111	16	
52	Xã Thanh Bồng	215	8	185	22	
53	Xã Đông Trà Bồng	153	7	127	19	
54	Xã Tây Trà	269	7	239	23	

TT	Đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước phân bổ năm 2026				Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó			
			Sự nghiệp khác	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp y tế (bao gồm 399 biên chế cấp tỉnh chuyển về cấp xã)	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)
55	Xã Tây Trà Bồng	206	7	179	20	
56	Đặc khu Lý Sơn	344	31	313	0	
57	Phường Kon Tum	658	10	605	43	
58	Phường Đắk Cấm	331	10	293	28	
59	Phường Đắk BLa	251	7	221	23	
60	Xã Ngọc Bay	325	7	294	24	
61	Xã Ia Chim	285	7	258	20	
62	Xã Đắk Rơ Wa	382	7	342	33	
63	Xã Đắk Pék	346	8	321	17	
64	Xã Xốp	130	4	111	15	
65	Xã Ngọc Linh	130	4	113	13	
66	Xã Đắk PLô	149	4	126	19	
67	Xã Đắk Môn	234	4	212	18	
68	Xã Đắk Long	145	4	130	11	
69	Xã Bờ Y	560	12	510	38	
70	Xã Sa Loong	206	5	172	29	
71	Xã Dục Nông	294	5	266	23	
72	Xã Đắk Tô	633	9	593	31	
73	Xã Ngọc Tụ	214	4	192	18	
74	Xã Kon Đào	332	4	306	22	

TT	Đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước phân bổ năm 2026				Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó			
			Sự nghiệp khác	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp y tế (bao gồm 399 biên chế cấp tỉnh chuyển về cấp xã)	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)
75	Xã Tu Mơ Rông	203	6	180	17	
76	Xã Đắk Sao	153	4	134	15	
77	Xã Đắk Tô Kan	230	4	207	19	
78	Xã Măng Ri	260	4	224	32	
79	Xã Đắk Hà	469	9	434	26	
80	Xã Đắk Pxi	243	4	224	15	
81	Xã Đắk Mar	334	7	315	12	
82	Xã Đắk Ui	201	4	182	15	
83	Xã Ngọc Réo	249	4	229	16	
84	Xã Măng Đen	302	16	263	23	
85	Xã Kon Plông	215	6	186	23	
86	Xã Măng Bút	229	6	201	22	
87	Xã Kon Braih	395	11	356	28	
88	Xã Đắk Kôi	159	6	135	18	
89	Xã Đắk Rve	192	6	166	20	
90	Xã Sa Thầy	346	9	315	22	
91	Xã Sa Bình	352	6	327	19	
92	Xã Ya Ly	219	4	193	22	
93	Xã Mô Rai	124	4	109	11	
94	Xã Rờ Koi	119	4	105	10	

TT	Đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước phân bổ năm 2026				Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó			
			Sự nghiệp khác	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp y tế (bao gồm 399 biên chế cấp tỉnh chuyển về cấp xã)	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)
95	Xã Ia Tơi	169	6	150	13	
96	Xã Ia Đal	86	4	74	8	